TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20-8-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình;

Bà Thị A Mi Na.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 724/2018/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ 10, ấp TB, xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ 10, ấp TB, xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng VN;

Địa chỉ: Số 02 L, phường TC, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng VN: Anh Đặng Minh S, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số 388, đường LD, khu phố 2, thị trấn TC, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh – Phó giám đốc Ngân hàng VN – Chi nhánh huyện TC, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 386/NHNoTC-KHKD, ngày 09-8-2019) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L sống chung với nhau năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh ngày 26-11-2003, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể giải quyết được nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 8-2018 cho đến nay. Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu xin ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 24-4-1996 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 13-10-2003 hiện cháu Trang đã thành niên và tự lao động sinh sống riêng; cháu T đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu T, không yêu cầu anh L cấp dưỡng; đối với cháu Thu T đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là diện tích đất 616 m^2 (đo đạc thực tế có diện tích 614,9 m^2), thửa đất 154, tờ bản đồ 36, đất tọa lạc tại tổ 10, ấp TB, xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; trên đất có căn nhà lợp mái tôn, vách xây gạch, nền xi măng và mái che khung sắt phía trước căn nhà, ngoài ra không còn tài sản gì khác. Nếu ly hôn thì tài sản chung chia đôi, nhưng căn nhà và máy che khung sắt chị đồng ý giao cho anh L, chị xin nhận giá trị chênh lệch.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng VN – Chi nhánh TC 30.000.000 đồng và giao tài sản là diện tích đất nêu trên cho Ngân hàng giữ nhưng không đăng ký thế chấp, mục đích vay tiền là chăm sóc cây mãng cầu nhưng hợp đồng ghi nuôi bò, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 22-5-2019. Ngoài số tiền nợ trên thì vợ chồng còn nợ tiền vay chị Nguyễn Thị Bích X 5.000.000 đồng, nợ tiền mua phân bón của đại lý phân bón LT do bà Huỳnh Thị Mỹ T 2.300.000 đồng và không còn nợ ai khác; sau khi ly hôn chị yêu cầu mỗi người có trách nhiệm trả ½ số tiền nợ Ngân hàng, đối với tiền nợ chị X và bà T không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Thanh L có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Anh Thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian sống chung, nguyên nhân mâu Tẫn và thời gian ly thân, nay anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 02 người con như chị T trình bày, sau khi ly hôn nếu cháu T theo ai thì người đó có nghĩa vụ nuôi dưỡng; đối với cháu Thu T đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng có các tài sản chung như chị T trình bày, sau khi ly hôn thì anh yêu cầu chia đôi tài sản chung và xin nhận 06 m ngang đất, trên đất có căn nhà có tứ cận: Hướng Đông giáp phần đất còn lại dài 50 m; hướng Tây giáp đất ông T dài 50 m; hướng Nam giáp đường bê tông dài 06 m; hướng Bắc giáp đất ông Nương dài 06 m.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng VN – Chi nhánh TC 30.000.000 đồng và có giao cho Ngân hàng giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào

sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H02988…218/QĐ-UB, diện tích 616 m^2, thửa đất số 154, tờ bản đồ số 36 do UBND huyện Tân Châu cấp ngày 13-03-2008 cho anh và chị Phạm Thị T đứng tên đăng ký, sử dụng nhưng không đăng ký thế chấp, mục đích vay tiền là chăm sóc cây mãng cầu nhưng hợp đồng ghi nuôi bò, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 22-5-2019. Ngoài số tiền nợ trên thì vợ chồng còn nợ tiền vay chị Nguyễn Thị Bích X 5.000.000 đồng, nợ tiền mua phân bón của đại lý phân bón LT do bà Huỳnh Thị Mỹ T làm chủ 2.300.000 đồng và không còn nợ ai khác; sau khi ly hôn anh yêu cầu mỗi người có trách nhiệm trả ½ số tiền nợ trên.

Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập của Ngân hàng VN và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của Ngân hàng có ý kiến:

Anh Nguyễn Thanh L và chị Phạm Thị T có ký kết hợp đồng tín dụng số 5705-LAV-201602966, ngày 01-7-2016 với Ngân hàng VN – Chi nhánh huyện TC, tỉnh Tây Ninh (sau đây viết tắt là Ngân hàng). Nội dung hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận như sau:

- Số tiền vay gốc 30.000.000 đồng (ngày nhận nợ 29-5-2018).

- Phương thức cho vay: Hạn mức tín dụng.

- Mục đích vay: Chi phí sản xuất, kinh doanh, đời sống của hộ gia đình (chăn nuôi 02 con bò).

- Lãi suất thỏa Tận: 9,6,%/năm, phương pháp trả lãi tiền vay 06 tháng/lần, trả vào ngày 22-11-2018 và ngày 22-5-2019. Khi lãi suất tăng, Ngân hàng sẽ tự điều chỉnh tăng lãi suất tiền vay.

- Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Thời hạn vay: 12 tháng.

- Ngày trả nợ cuối cùng: Ngày 22-5-2019.

- Hình thức bảo đảm nợ vay: Không có bảo đảm bằng tài sản (tín chấp), tuy nhiên anh L, chị T có giao cho Ngân hàng giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H02988…218/QĐ-UB, diện tích 616 m^2, thửa đất số 154, tờ bản đồ số 36 do UBND huyện Tân Châu cấp ngày 13-03-2008 cho anh Nguyễn Thanh L và chị Phạm Thị T đứng tên đăng ký, sử dụng.

Đã đến hạn trả nợ nhưng anh L, chị T chưa thanh toán tiền nợ gốc 30.000.000 đồng, tiền lãi suất trong hạn và quá hạn đến nay (ngày 20-8-2019) là 2.522.718 đồng nên nay Ngân hàng yêu cầu anh L, chị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền nợ gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi suất đến nay 2.522.718 đồng, tổng cộng 32.522.718 đồng và yêu cầu tiếp tục trả lãi suất theo thỏa thuận cho đến khi trả xong nợ gốc.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết

vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục , thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy giữa chị T và anh L đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến ly thân từ tháng 8-2018 cho đến nay không thể hàn gắn được, do đó chị T yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung và chia tài sản chung; được anh L đồng ý. Căn cứ các Điều 55, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự Tận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Thanh L.

- Về nuôi con chung: Tại bản tự khai cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 13-10-2003 có nguyện vọng sống với chị T, anh L cũng đồng ý giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Nguyễn Thanh T cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: Anh L, chị T thừa nhận vợ chồng có tài sản chung là diện tích đất 616 m^2 (đo đạc thực tế có diện tích 614,9 m^2), thửa đất số 154, tờ bản đồ 36, đất tọa lạc tại tổ 10, ấp TB, xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; trên đất có căn nhà lợp mái tôn, vách xây gạch, nên xi măng và mái che khung sắt phía trước; tổng giá trị tài sản là 798.491.000 đồng, anh chị yêu cầu chia đôi tài sản trên. Tại phiên tòa chị T đồng ý giao ½ diện tích đất nêu trên và căn nhà cùng mái che khung sắt cho anh L, chị xin nhận lại ½ giá trị căn nhà cùng mái che khung sắt nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh Nguyễn Thanh L có nghĩa vụ thanh toán cho chị Phạm Thị T ½ giá trị căn nhà cấp 4 C cùng mái che khung sắt và có nghĩa vụ tháo gỡ phần mái che khung sắt bên phần đất của chị T.

- Về nợ chung: Ngày 07-01-2019 Ngân hàng VN có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập yêu cầu anh L, chị T trả số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng cùng tiền lãi suất đến nay là 2.522.718 đồng, tổng cộng 32.522.718 đồng; anh L, chị T cũng thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền vay gốc và tiền lãi suất như trên, anh chị đồng ý trả số tiền nợ này cho Ngân hàng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng và buộc anh L, chị T mỗi người có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng VN ½ số tiền nợ gốc và tiền lãi suất, tổng cộng 32.522.718 đồng.

Ngân hàng VN - Chi nhánh huyện TC, tỉnh Tây Ninh có nghĩa vụ trả lại chị T, anh L 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H02988…218/QĐ-UB, diện tích 616 m^2, thửa đất số 154, tờ bản đồ số 36 do UBND huyện Tân Châu cấp ngày 13-03-2008 cho anh Nguyễn Thanh L và chị Phạm Thị T đứng tên đăng ký sử dụng.

Do bà Huỳnh Thị Mỹ T và chị Nguyễn Thị Bích X không yêu cầu giải quyết số tiền nợ của anh L, chị T nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Thanh L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Thanh L là bị đơn và anh Đặng Minh S là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh L và anh S.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Thanh L chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1995, hôn nhân giữa anh, chị là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án anh L thừa nhận có mâu thuẫn với chị T dẫn đến ly thân từ tháng 8-2018 cho đến nay không thể hàn gắn được nên nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Thanh L.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị T và anh L có 02 người con tên Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 24-4-1996 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 13-10-2003, hiện cháu Thu T đã thành niên và tự lao động sinh sống; cháu T đang sống chung với chị T. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T có yêu cầu nuôi dưỡng cháu T, anh L đồng ý giao cháu T cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, việc thỏa Tận nuôi con giữa chị T và anh L cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T nên Hội đồng xét xử giao con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 13-10-2003 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh L có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) cháu T cùng với chị.

Đối với cháu Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 24-4-1996 đã thành niên, tự lao động sinh sống và chị T, anh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về chia tài sản: Xét thấy, anh L và chị T thừa nhận vợ chồng có tạo lập tài sản chung là diện tích đất 616 m^2, thửa đất 154, tờ bản đồ 36, đất tọa lạc tại tổ 10, ấp TB, xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; trên đất có căn nhà cấp 4C, mái lợp tôn, vách xây gạch không tô, nền xi măng, cửa chính, cửa sổ khung sắt + kính và 01

mái che khung sắt (quán tạm) phía trước căn nhà. Chị T, anh L yêu cầu chia đôi tài sản trên; anh L xin nhận ½ diện tích đất và căn nhà trên đất, giao cho chị T ½ diện tích đất còn lại; chị T đồng ý giao ½ diện tích đất và căn nhà cùng mái che khung sắt (quán tạm) phía trước căn nhà cho anh L, chị xin nhận ½ diện tích đất còn lại và ½ giá trị căn nhà cùng mái che khung sắt. Ngoài các tài sản trên chị T, anh L không yêu cầu chia tài sản khác.

[2.3.1] Qua xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc thực tế thì diện tích đất nêu trên Tộc thửa đất số 297, tờ bản đồ số 55, diện tích 614,9 m^2 (có 74,9 m^2 nằm trong QHLG), theo bản đồ đo đạc địa chính chính quy năm 2013; căn nhà cấp 4C, có đặc điểm: Mái lộp tôn, tường xây gạch không tô, nền xi măng, cửa chính và cửa sổ khung sắt + kính, có diện tích 89,2 m^2; 01 mái che khung sắt (quán tạm), không vách, nền xi măng, có diện tích 58,4 m^2.

[2.3.2] Tại biên bản định giá tài sản ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng dân sự huyện Tân Châu xác định: Diện tích đất 614,9 m^2 (có 74,9 m^2 nằm trong QHLG) có giá trị 599.500.000 đồng; căn nhà cấp 4C, diện tích 89,2 m^2 có giá trị 178.491.020 đồng; 01 mái che khung sắt (quán tạm), diện tích 58,4 m^2, có giá trị 20.000.000 đồng. Tổng cộng tài sản của chị T, anh L yêu cầu chia có giá trị 797.991.020 đồng.

[2.3.3] Trong quá trình giải quyết vụ án chị T và anh L thỏa Tận chia ½ khối tài sản chung nêu trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó chia cho anh L được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng diện tích đất 307,45 m^2 (có 200 m^2 đất ONT và 37,45 m^2 nằm trong QHLG) tại thửa đất số 297, tờ bản đồ số 55, trong diện tích 614,9 m^2 có tứ cận: Hướng Nam giáp đường bê tông; hướng Bắc giáp thửa đất số 268; hướng Đông giáp phần diện tích còn lại của thửa đất số 297; hướng Tây giáp thửa đất số 296; 01 căn nhà cấp 4C, có đặc điểm: Mái lợp tôn, tường xây gạch không tô, nền xi măng, cửa chính, cửa sổ khung sắt + kính, có diện tích 89,2 m^2 và 01 mái che khung sắt (quán tạm), không vách, nền xi măng, có diện tích 58,4 m^2 được xây trên diện tích đất được chia trên. Anh L có nghĩa vụ thanh toán cho chị T ½ giá trị căn nhà và mái che khung sắt, tương đương số tiền 99.247.010 đồng.

Chia cho chị T được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 307,45 m^2 (có 200 m^2 đất ONT và 37,45 m^2 nằm trong QHLG) tại thửa đất số 297, tờ bản đồ số 55, trong phần diện tích 614,9 m^2 có tứ cận: Hướng Nam giáp đường bê tông; hướng Bắc giáp thửa đất số 268; hướng Tây giáp phần diện tích còn lại của thửa đất số 297; hướng Tây giáp thửa đất số 298. Anh Nguyễn Thanh L có nghĩa vụ tháo gỡ phần mái che khung sắt (quán tạm) nằm trên phần đất chị T được nhận.

[2.3.4] Anh Nguyễn Thanh L và chị Phạm Thị T có nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền tách thửa đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Thanh L và chị Phạm Thị T theo quyết định bản án đã tuyên có hiệu lực pháp luật, khi anh L, chị T có yêu cầu.

[3] Về nợ chung: Ngày 07-01-2019 Ngân hàng VN có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập yêu cầu anh L, chị T trả số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng cùng tiền lãi suất nay là 2.522.718 đồng, tổng cộng 32.522.718 đồng. Chị T, anh L thừa nhận có nợ

Ngân hàng VN – Chi nhánh huyện TC tiền nợ gốc 30.000.000 đồng cùng tiền lãi suất nay và đồng ý mỗi người có nghĩa vụ trả ½ số tiền nợ gốc cùng lãi suất cho Ngân hàng. Do đó yêu cầu độc lập của Ngân hàng VN có căn cứ chấp nhận nên anh Nguyễn Thanh L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng VN tiền nợ gốc 15.000.000 đồng, tiền lãi suất trong hạn và quá hạn là 1.261359 đồng, tổng cộng 16.261.359 đồng và tiếp tục phải trả tiền lãi suất theo hợp đồng cho đến khi trả xong tiền nợ gốc. Chị Phạm Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng VN tiền nợ gốc 15.000.000 đồng, tiền lãi suất trong hạn và quá hạn là 1.261359 đồng, tổng cộng 16.261.359 đồng và tiếp tục phải trả tiền lãi suất theo hợp đồng cho đến khi trả xong tiền nợ gốc.

[4] Ngân hàng VN – Chi nhánh huyện TC có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Thanh L 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H02988…218/QĐ-UB, diện tích 616 m^2, thửa đất số 154, tờ bản đồ số 36 do UBND huyện Tân Châu cấp ngày 13-03-2008 cho anh Nguyễn Thanh L và chị Phạm Thị T đứng tên đăng ký, sử dụng.

[5] Đối với số tiền anh L, chị T nợ bà Huỳnh Thị Mỹ T và chị Nguyễn Thị Bích X. Do bà Tiên, chị Xuân không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

[6.1] Về án phí dân sự sơ thẩm Chị Phạm Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch; án phí có giá ngạch về chia tài sản và về phần nợ phải trả; anh L phải chịu án phí có giá ngạch về chia tài sản và về phần nợ phải trả theo quy định Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6.2] Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa chị Phạm Thị T tự nguyện chịu 6.500.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; chi phí định giá tài sản và chi phí đo đạc. Chị T nộp nộp xong theo Hợp đồng dịch vụ đo đạc ký ngày 05-3-2019 và biên bản giao nhận ngày 05-3-2019 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Thanh L.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 13-10-2003 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh L có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) cháu T cùng với chị.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản:

3.1. Chia cho anh Nguyễn Thanh L được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng diện tích đất 307,45 m^2 (có 200 m^2 đất ONT và 37,45 m^2 nằm trong QHLG) tại thửa đất số 297, tờ bản đồ số 55, trong diện tích 614,9 m^2 có tứ cận: Hướng Nam giáp đường bê tông; hướng Bắc giáp thửa đất số 268; hướng Đông giáp phần diện tích còn lại thửa đất số 297, hướng Tây giáp thửa đất số 296; 01 căn nhà cấp 4C, có đặc điểm: Mái lợp tôn, tường xây gạch không tô, nền xi măng, cửa chính và cửa sổ khung sắt + kính, có diện tích 89,2 m^2 và 01 mái che khung sắt (quán tạm), không vách, nền xi măng, có diện tích 58,4 m^2 xây trên phần diện tích đất được chia trên. Anh L có nghĩa vụ thanh toán cho chị T ½ giá trị căn nhà và mái che khung sắt, tương đương số tiền 99.247.010 đồng.

3.2. Chia cho chị T được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 307,45 m^2 (có 200 m^2 đất ONT và 37,45 m^2 nằm trong QHLG) tại thửa đất số 297, tờ bản đồ số 55, trong phần diện tích 614,9 m^2 có tứ cận: Hướng Nam giáp đường bê tông; hướng Bắc giáp thửa đất số 268; hướng Tây giáp phần diện tích còn lại thửa đất số 297, hướng Tây giáp thửa đất số 298. Anh Nguyễn Thanh L có nghĩa vụ tháo gỡ phần mái che khung sắt (quán tạm) nằm trên phần đất chị T được nhận.

Anh Nguyễn Thanh L và chị Phạm Thị T có nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền tiên hàn tách thửa đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Thanh L và chị Phạm Thị T theo quyết định bản án đã tuyên có hiệu lực pháp luật, khi anh L, chị T có yêu cầu (kèm theo sơ đồ hiện trạng đất do Công ty TNHH Trắc địa Bản đồ Miền Nam đo vẽ ngày 23-5-2019 và được Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Tân Châu xác nhận ngày 14-6-2019).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Thanh L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng VN tiền nợ gốc 15.000.000 đồng, tiền lãi suất trong hạn và quá hạn là 1.261359 đồng, tổng cộng 16.261.359 đồng và tiếp tục phải trả tiền lãi suất theo hợp đồng cho đến khi trả xong tiền nợ gốc. Chị Phạm Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng VN tiền nợ gốc 15.000.000 đồng, tiền lãi suất trong hạn và quá hạn là 1.261359 đồng, tổng cộng 16.261.359 đồng và tiếp tục phải trả tiền lãi suất theo hợp đồng cho đến khi trả xong tiền nợ gốc.

Ngân hàng VN – Chi nhánh huyện TC có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Thanh L 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất H02988…218/QĐ-UB, diện tích 616 m^2, thửa đất số 154, tờ bản đồ số 36 do UBND huyện Tân Châu cấp ngày 13-03-2008 cho anh Nguyễn Thanh L và chị Phạm Thị T đứng tên đăng ký sử dụng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (20-8-2019), anh Nguyễn Thanh L và chị Phạm Thị T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa Tận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa Tận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng VN cho vay thì lãi suất mà khách hàng (anh L, chị T) vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng VN cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng VN cho vay.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

5.1 Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm; 19.949.700 (mười chín triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, bảy trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về phần tài sản được nhận và 813.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.800.000 đồng tại 02 biên lai T số 0026220 và 0026221 ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị T còn phải nộp thêm 19.262.700 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Thanh L phải chịu 19.949.700 (mười chín triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, bảy trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về phần tài sản được nhận và chịu 813.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ.

Ngân hàng VN không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng VN số tiền tạm ứng án phí đã nộp 758.000 đồng tại biên lai T số 0026404 ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

5.2 Về chi phí tố tụng : Ghi nhận chị Phạm Thị T tự nguyện chịu 6.500.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; chi phí định giá tài sản và chi phí đo đạc. Chị T nộp nộp xong theo Hợp đồng dịch vụ đo đạc ký ngày 05-3-2019 và biên bản giao nhận ngày 05-3-2019.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thanh L và Ngân hàng VN có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã TH;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thanh Quốc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Quốc